

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
sở tính toán, xây dựng đơn giá dự thầu. Các nguồn vật liệu không có tính khả thi sẽ không được xem xét	V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt. Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
1.3. Điều kiện năng lực hoạt động thí nghiệm	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án phòng thí nghiệm tại công trường (LAS-XD): của nhà thầu hoặc đi thuê đơn vị thí nghiệm chuyên ngành. - Bản sao chứng thực Quyết định công nhận LAS-XD còn hiệu lực + danh mục các phép thử được công nhận (đáp ứng các thí nghiệm cần thiết theo TKBVTC: đất, đá, BTN, BTXM, thép, vật liệu khác). - Trường hợp thuê: hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm + cam kết phòng thí nghiệm tại công trình trong suốt thời gian thi công. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật, tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trình:		
2.1.1. Tổ chức mặt bằng công trình: Nhà thầu phải bố trí mặt bằng để thi công gói thầu, phải đưa ra biện pháp tổ chức thi công phù hợp để thi công các hạng mục công trình, bao gồm:	<ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ tổng mặt bằng tổ chức công trường: vị trí kho bãi vật liệu, văn phòng, phòng thí nghiệm, bãi tập kết thiết bị, trạm trộn BTXM + trạm biến áp, đường công vụ, diêm tập kết phế thải. - Phương án bố trí điện, nước, thông tin liên lạc, thoát nước cho công trường. 	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<ul style="list-style-type: none"> - Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, đường tạm thi công. - Bố trí rào chắn, biển báo...; - Giải pháp đảm bảo cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. - Giải pháp PCCC 	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án rào chắn, biển báo, phòng cháy chữa cháy, an ninh trật tự tại công trường. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt. 	
	<p>Mặt bằng tổ chức thi công không hợp lý, không phù hợp với công nghệ thi công nhà thầu đề xuất, không thể hiện hiện trạng khu vực dự kiến bố trí, không phù hợp với biểu đồ tiến độ thi công hoặc bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công không thể hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.</p>	Không đạt
<p>2.1.2. Công tác tiếp nhận mặt bằng và bố trí phương án tổng thể thi công</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh trình tự tiếp nhận mặt bằng từ CĐT theo từng đoạn tuyến. - Sơ đồ các mũi thi công + tiến độ triển khai từng mũi (đồng thời/tuần tự). - Sơ đồ bố trí các bãi tập kết vật liệu phục vụ từng mũi thi công. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt. 	Đạt
	<p>Không có thuyết minh hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc sơ sai.</p>	Không đạt
2.2. Thi công xây dựng các hạng mục phần đường giao thông		
<p>2.2.1. Thi công xây dựng: Công tác thi công đào nền đường (bao gồm: Nền, đào bạt mái taluy dương, đắp taluy âm...).</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh biện pháp thi công đào nền đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V của E-HSMT. - Bản vẽ sơ đồ tổ chức thi công đào nền: vị trí máy, đường vận chuyển, hướng đào, vị trí bãi đổ thải. - Bản vẽ trắc ngang thi công đại diện cho từng đoạn đặc thù (nền đào nguyên thổ, đoạn cắt taluy dương cao). - Quy trình kiểm soát chất lượng đào nền (QC plan): tần suất + phương pháp kiểm tra cao độ, bề rộng, độ dốc taluy, độ chặt nền đào. 	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<ul style="list-style-type: none"> - Biện pháp xử lý nền đào không đạt độ chặt + biện pháp đảm bảo giao thông trong quá trình đào. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt. 	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.2.2. Thi công xây dựng: Công tác thi công lớp móng cấp phối đá dăm mặt đường.	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh biện pháp thi công móng cấp phối đá dăm (CPĐD) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ sơ đồ tổ chức thi công CPĐD theo 4 loại kết cấu mặt đường (KC1, KC2, KC3, KC3a) phù hợp phân đoạn TKBVTC. - Quy trình kiểm soát độ ẩm tối ưu + quy trình lu lèn (lu nhẹ → lu trung → lu nặng). - Quy trình kiểm soát chất lượng (QC plan): chiều dày, độ chặt K, mô đun đàn hồi Es, độ phẳng. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt. 	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.2.3. Thi công xây dựng: Công tác thi công mặt đường bê tông nhựa	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh biện pháp thi công mặt đường bê tông nhựa BTNC C16 đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Phương án thiết kế cấp phối BTN (Job Mix Formula - JMF) hoặc cam kết trình JMF được TVGS chấp thuận trước khi sản xuất đại trà. - Bản vẽ sơ đồ tổ chức thi công BTN: vị trí trạm trộn, cự ly + thời gian vận chuyển, hướng rải, sơ đồ tổ chức lu. - Quy trình kiểm soát chất lượng (QC plan): nhiệt độ vận chuyển, 	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>nhiệt độ rải, nhiệt độ kết thúc lu lèn, chiều dày, độ chặt Marshall, độ phẳng IRI, độ nhám.</p> <p>- Cam kết điều kiện thi công (không thi công khi nhiệt độ < 10°C, mặt đường ẩm/đọng nước, hoặc trời mưa).</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>2.2.4. Thi công xây dựng: Công tác thi công gia cố lè</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công gia cố lè đường (kết cấu lè đồng nhất KC1: BTNC C16 7cm + CPĐD I 25cm + CPĐD II 15cm; lè đất đầm chặt $K \geq 95\%$) theo Chương V.</p> <p>- Bản vẽ trình tự gia cố lè + tổ chức nhân công, thiết bị.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>2.2.5. Thi công xây dựng: Công tác thi công công trình thoát nước (thoát nước ngang và thoát nước dọc, rãnh đỉnh, hồ thu, bậc nước, dốc nước...)</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công các loại rãnh dọc, rãnh đỉnh, hồ thu, bậc nước, dốc nước theo TKBVTC: rãnh hình thang (40×40×120)cm, rãnh BTCT (60×60)cm kín/hở.</p> <p>- Bản vẽ chi tiết kết cấu từng loại rãnh + tổ chức thi công.</p> <p>- Quy trình kiểm soát chất lượng: kích thước rãnh, độ dốc dòng chảy, mác bê tông, đệm đá dăm.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.2.6. Thi công xây dựng: Công tác thi công cột tiêu, biển báo, tường hộ lan cứng, tường hộ lan mềm	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công + lắp đặt ATGT (cột tiêu, biển báo, tường hộ lan cứng, tường hộ lan mềm, vạch sơn) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p> <p>- Bản vẽ chi tiết bố trí biển báo, cọc tiêu, hộ lan, vạch sơn theo TKBVTC.</p> <p>- Phương án sơn vạch kẻ đường (chuẩn bị bề mặt, dụng cụ, điều kiện thời tiết, độ phản quang).</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.2.7. Thi công xây dựng: Công tác bù vênh cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ (đoạn KC3 - Km0÷Km2+183).	<p>- Thuyết minh biện pháp khảo sát hiện trạng mặt đường cũ + biện pháp thi công bù vênh CPĐĐ I Dmax=25 trên đoạn KC3 Km0÷Km2+183 theo TKBVTC.</p> <p>- Bản vẽ trắc dọc bù vênh đại diện.</p> <p>- Quy trình kiểm soát chất lượng: cao độ sau bù vênh (sai số ±1cm theo Chương V), độ chặt CPĐĐ bù vênh, độ phẳng.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.2.8. Thi công xây dựng: Công tác sửa chữa công bản đường giao hiện trạng.	<p>- Thuyết minh khảo sát hiện trạng các công bản đường giao + đề xuất phạm vi sửa chữa.</p> <p>- Phương án sửa chữa công bản (gia cố, vá, thay thế tấm đan, làm sạch) đáp ứng tải trọng H30-XB80 theo TKBVTC.</p>	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>- Bản vẽ chi tiết các vị trí sửa chữa. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
2.3. Thi công xây dựng các hạng mục tường chắn, mái taluy		
<p>2.3.1. Thi công xây dựng: Công tác thi công tường chắn rọ đá</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công tường chắn rọ đá (H = 1,5m theo TKBVTC, định hình 86-06X) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ chi tiết kết cấu rọ đá + bố trí tầng theo TKBVTC. - Chứng chỉ chất lượng rọ thép mạ kẽm + đá học chèn rọ đáp ứng quy cách thiết kế. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>2.3.2. Thi công xây dựng: Công tác thi công tường chắn BTCT</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công tường chắn BTCT (tường chắn âm H = 2m theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ chi tiết tường chắn BTCT + bố trí cốt thép. - Quy trình kiểm soát chất lượng: mác bê tông, cốt thép, độ chặt đầm đất sau lưng tường, khe co giãn/khe phòng lún. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>2.3.3. Thi công xây dựng: Công tác thi công phần ốp mái taluy</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp ốp mái taluy (chân khay BT đá 2×4 M150; ốp mái BT đá 1×2 M150 dày 15cm;</p>	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	vai đường BT đá 1×2 M250) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ chi tiết ốp mái + chân khay. - Quy trình kiểm soát chất lượng: mác bê tông, chiều dày ốp mái, khe phòng lún 4m/khe + nhét bao tải tấm nhựa, lót giấy dầu. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.3.4. Thi công đào nền và xử lý mái taluy đoạn Km4+438 ÷ Km4+511 (chiều cao taluy đào TB > 30m)	- Thuyết minh biện pháp thi công đào nền theo phân lớp $\leq 10\text{m/lớp}$ tại đoạn Km4+438 ÷ Km4+511 (chiều cao taluy đào TB > 30m) kèm tính toán kiểm tra ổn định mái dốc theo Chương V. - Bản vẽ biện pháp thi công kèm sơ đồ phân lớp đào, hệ thống thoát nước mặt taluy giữa các phân lớp, biện pháp gia cố mái dốc (cỏ Vetiver/khung BTCT/bạc cấp/rãnh cơ) theo TKBVTC được duyệt. - Phương án theo dõi chuyển vị mái dốc trong quá trình đào (mộc quan trắc, tằm suất quan trắc). - Cam kết dừng thi công + báo CĐT khi phát hiện chuyển vị bất thường. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.4. Thi công xây dựng các hạng mục phần công tròn		
2.4.1. Thi công xây dựng: Công tác định vị + đào hố móng công tròn.	- Thuyết minh biện pháp định vị tim công + đào hố móng công tròn đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V (định hình 78-02X /	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>533-01-01 / 533-01-02 theo TKBVTC).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ chi tiết hố móng công + biện pháp ổn định vách hố đào (đóng cọc ván nếu cần). - Phương án xử lý khi gặp địa chất yếu / nước ngầm (bơm hút, đóng cọc ván, thay đất). <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
<p>2.4.2. Thi công xây dựng: Công tác thi công đổ bê tông móng công.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh biện pháp đổ bê tông móng + đà kiềng công tròn (BT móng đá 2×4 M150, đà kiềng đá 1×2 M200, đệm đá dăm dày 10cm theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ cốt thép + ván khuôn móng + đà kiềng. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
<p>2.4.3. Thi công xây dựng: Công tác thi công lắp đặt ống công, mối nối công.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh biện pháp lắp đặt ống công tròn D=1,0m và D=1,5m (định hình 533-01-01 / 533-01-02, tải trọng H30-XB80 theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ chi tiết lắp đặt + mối nối ống công (vữa M100, khe rộng ≥ 2cm, quét nhựa đường 2 lớp). - Phương án kiểm tra ống công đúc sẵn trước khi lắp đặt (kích thước, cường độ, độ kín). - Phương án đắp đất 2 bên công đầm chặt $K \geq 95\%$ theo lớp ≤ 30cm. 	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.4.4. Thi công xây dựng: Công tác thi công gia cố đầu cống.	<p>- Thuyết minh biện pháp gia cố đầu cống tròn (tường cánh + sân cống + chân khay BT đá 2×4 M150, đệm đá dăm dày 10cm theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p> <p>- Bản vẽ chi tiết phần thượng lưu, hạ lưu cống.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.4.5. Thi công xây dựng: Công tác thi công đất trên lưng cống và hoàn thiện.	<p>- Thuyết minh biện pháp đắp đất trên lưng cống theo từng lớp $\leq 30\text{cm}$ + đầm chặt $K \geq 95\%$ (lớp dưới), $K \geq 98\%$ (30cm trên cùng) theo Chương V.</p> <p>- Bản vẽ chi tiết đắp lưng cống.</p> <p>- Cam kết không sử dụng máy lu nặng trực tiếp trên lưng cống khi chiều dày đất phủ chưa đủ tối thiểu.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.5. Thi công xây dựng các hạng mục phần cống hộp.		
2.5.1. Thi công xây dựng: Định vị + Đào hố móng.	<p>- Thuyết minh biện pháp định vị + đào hố móng cống hộp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V (định hình 86-04X / 86-05X theo TKBVTC).</p>	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>- Bản vẽ chi tiết hố móng + biện pháp ổn định vách hố đào. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.5.2. Thi công xây dựng: Công tác thi công thân công.	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công thân công hộp (BT móng + thân đá 2×4 M150; đà kiềng + tấm đan đá 1×2 M200; tải trọng H30-XB80 theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ chi tiết thân công + cốt thép. - Quy trình kiểm soát chất lượng: mác bê tông, cốt thép, bảo dưỡng. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.5.3. Thi công xây dựng: Công tác thi công tường đầu, tường cánh, sân công.	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công tường đầu, tường cánh, sân công (BT đá 2×4 M150 theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ chi tiết tường đầu, tường cánh, sân công. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.6. Thi công xây dựng các hạng mục phần cầu.		
2.6.1. Thi công xây dựng: Công tác thi công bãi đúc dầm	- Thuyết minh phương án bãi đúc dầm tại công trường: vị trí, diện tích, tổ chức bệ đúc + bãi chứa dầm (KT 15×15×0,5m theo dự toán)	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ chi tiết bãi đúc + bệ đúc. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>2.6.2. Thi công xây dựng: Công tác thi công đường công vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh phương án đường công vụ phục vụ thi công cầu (tận dụng cầu cũ + đường tạm) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ tổ chức đường công vụ. - Cam kết duy trì đường công vụ + lưu thông an toàn trong toàn bộ thời gian thi công cầu; tháo dỡ + hoàn trả mặt bằng khi hoàn thành cầu mới. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>2.6.3. Thi công xây dựng: Công tác thi công, lắp đặt trạm trộn bê tông xi măng.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh phương án lắp đặt trạm trộn BTXM (công suất $\geq 90 \text{ m}^3/\text{h}$ theo Bảng 03 thiết bị) + trạm biến áp đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ vị trí + sơ đồ kỹ thuật trạm trộn. - Hồ sơ kiểm định trạm trộn BTXM còn hiệu lực. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>2.6.4. Thi công xây dựng: Công tác thi công móng móng cầu (đào</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh biện pháp thi công móng móng cầu (định vị móng, vòng 	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
<p>hố móng, đắp đất hố móng, đệm đá dăm, bệ móng, khoan cấy thép bệ móng).</p>	<p>vây cọc ván thép nếu cần, đào hố móng, đệm đá dăm, bệ móng BT 30 MPa, khoan cấy thép bệ móng theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p> <p>- Bản vẽ chi tiết hố móng, vòng vây cọc ván thép (nếu có), biện pháp ổn định vách hố đào.</p> <p>- Phương án xử lý khi gặp nước ngầm (vòng vây cọc ván thép, bơm hút).</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	<p>Không đạt</p>
<p>2.6.5. Thi công xây dựng: Công tác thi công móng cầu.</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công móng cầu (tường đầu, tường tai, tường thân BT 30 MPa đá 1×2 cho cầu DƯL Km1+924,46; xà mũ + thân móng + bệ móng BT đá 1×2 M250 cho cầu bản 6m) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p> <p>- Bản vẽ chi tiết móng cầu + bố trí cốt thép.</p> <p>- Phương án đắp đất thoát nước tốt sau móng ($K \geq 95\%$) + lắp đặt ống thoát nước trong lòng móng theo TKBVTC.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	<p>Không đạt</p>
<p>2.6.6. Thi công xây dựng: Công tác thi công bản quá độ.</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công bản quá độ (BT 25 MPa, đệm BT 10 MPa đá 2×4, giấy dầu chèn khe dày 20mm, nhựa đường lấp khe theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p>	<p>Đạt</p>

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>- Bản vẽ chi tiết bản quá độ + cốt thép + bộ kê. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>2.6.7. Thi công xây dựng: Công tác thi công dầm BTCT dự ứng lực</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công dầm BTCT dự ứng lực: chuẩn bị bãi đúc + bộ đúc, lắp cốt thép + ống gen + neo, đổ bê tông 40 MPa, bảo dưỡng, căng kéo cáp DUL khi bê tông đạt $\geq 85\%$ cường độ thiết kế, bơm vữa lấp ống gen - đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ bố trí bãi đúc + bộ đúc dầm + trình tự căng kéo cáp DUL. - Quy trình kiểm soát chất lượng: cường độ bê tông trước căng kéo, lực căng kéo (sai số $\pm 3\%$), độ võng dầm, ống gen D55/60mm, neo EC5-7, vữa xi măng $f'c=45$ MPa. - Chứng chỉ chất lượng cáp DUL + neo + ống gen. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>2.6.8. Thi công xây dựng: Công tác thi công lắp đặt hệ dầm chủ cầu.</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp lao dầm + sàng ngang (cầu sức nâng $\geq 80T$ theo Bảng 03 thiết bị) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ trình tự lao dầm + thiết bị sử dụng. - Tính toán kiểm tra ổn định dầm trong quá trình lao. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.6.9. Thi công xây dựng: Công tác thi công dầm ngang cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh biện pháp thi công dầm ngang (BT 30 MPa đá 1×2, lao dầm, liên kết với dầm chủ) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ chi tiết dầm ngang + cốt thép. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.6.10. Thi công xây dựng: Công tác thi công bản mặt cầu.	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh biện pháp thi công bản mặt cầu (BT 30 MPa đá 1×2 cho cầu DƯL; M300 cho cầu bản 6m; lớp phòng nước/chống thấm dạng phun; tưới nhựa dính bảm 0,5 lít/m²; BTNC 12,5 dày 7cm; quét keo Sikadur 732 cho cầu bản 6m theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ bố trí cốt thép mặt cầu + ván khuôn. Quy trình kiểm soát chất lượng: chiều dày bản mặt cầu, lớp phòng nước, BTN trên nhịp. Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.6.11. Thi công xây dựng: Công tác thi công lắp đặt khe co giãn.	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh biện pháp lắp đặt khe co giãn rãnh lược cho cầu DƯL Km1+924,46 (thép góc 50×50×5, bu lông liên kết, vữa Sika-Grout 40 MPa theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bản vẽ chi tiết khe co giãn + bố trí thép góc + bu lông + vữa. 	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>- Chứng chỉ chất lượng khe co giãn răng lược + thép góc + bu lông + vữa.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
<p>2.6.12. Thi công xây dựng: Công tác thi công lan can.</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công lan can cầu DUL Km1+924,46 + cầu bản 6m (gờ lan can BTCT M300; cột lan can mạ kẽm thép đúc 610×180×130mm; tay vịn ống thép mạ kẽm D101.6/93.2mm và D76.3/69.9mm; bu lông neo M22×650; sơn 2 nước theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p> <p>- Bản vẽ chi tiết lan can + cốt thép.</p> <p>- Chứng chỉ chất lượng vật liệu lan can (cột, tay vịn, bu lông, sơn).</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
<p>2.6.13. Thi công xây dựng: Công tác thi công thoát nước mặt cầu.</p>	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công hệ thống thoát nước mặt cầu (ống thoát nước trong lòng mố; ống nhựa PVC D150mm dài 2,0m; tấm chắn rác mạ kẽm theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p> <p>- Bản vẽ chi tiết hệ thống thoát nước.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.6.14. Thi công xây dựng: Công tác thi công bản giảm tải.	<p>- Thuyết minh biện pháp thi công bản giảm tải đầu cầu DƯL Km1+924,46 (BT 25 MPa đổ tại chỗ, đệm BT 10 MPa đá 2×4, giấy dầu chèn khe + nhựa đường theo TKBVTC) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p> <p>- Bản vẽ chi tiết bản giảm tải + cốt thép + bộ kê.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.6.15. Bảo đảm giao thông và an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công.	<p>- Thuyết minh phương án đảm bảo giao thông trong quá trình thi công: tạm dựng cầu cũ làm đường công vụ, biển báo, người điều khiển giao thông, đèn cảnh báo về đêm - đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p> <p>- Bản vẽ tổ chức giao thông trong các giai đoạn thi công khác nhau.</p> <p>- Phương án phối hợp với chính quyền địa phương + cơ quan quản lý đường bộ.</p> <p>- Cam kết bố trí thiết bị + nhân công trực 24/24h để dọn dẹp mặt bằng đảm bảo thông tuyến trong mọi điều kiện thời tiết.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
2.6.16. Tháo dỡ kết cấu cầu cũ phục vụ mở rộng cầu Km6+773,66.	- Thuyết minh trình tự tháo dỡ kết cấu cầu cũ Km6+773,66 (tường cánh mố M1, gờ chắn BTCT, sân cầu BTXM, chân khay/thềm	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>BTXM) đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ biện pháp tháo dỡ + xử lý phế thải. - Biện pháp đảm bảo an toàn cho phần kết cấu cầu cũ giữ lại tận dụng (mố, dầm bản, móng) trong quá trình tháo dỡ và mở rộng. - Phương án thoát nước + đảm bảo lưu thông trong quá trình tháo dỡ. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	<p>Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không phù hợp với tình hình địa điểm thực tế của công trình hoặc không đầy đủ theo yêu cầu.</p>	<p>Không đạt</p>
2.7. Hạng mục phục vụ thi công.		
<p>2.7.1. Đảm bảo giao thông trong quá trình thi công toàn tuyến.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án tổ chức giao thông từng đoạn thi công + sơ đồ bố trí biển báo, cọc tiêu, rào chắn, người chỉ giới đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. - Bảng kê khối lượng + chủng loại vật tư đảm bảo giao thông (cọc tiêu, biển báo tam giác/tròn 70cm, rào chắn thép, dây PVC phản quang, sơn phản quang, đèn báo nhấp nháy). - Cam kết duy trì lưu thông 24/24h trong toàn bộ thời gian thi công theo tiến độ chào trong E-HSDT + bố trí người chỉ giới tại vị trí thất lần + có sự chấp thuận của CĐT trước khi đóng đường ngăn. - Cam kết tháo dỡ + hoàn trả mặt bằng khi kết thúc; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại nếu xảy ra sự cố do thiếu hệ thống đảm bảo GT. - Cam kết xin Giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác từ cơ quan có thẩm quyền theo Điều 32 Luật Đường bộ số 	<p>Đạt</p>

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>35/2024/QH15 + NĐ 165/2024/NĐ-CP + Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ Giao thông vận tải trước khi triển khai thi công từng đoạn tuyến.</p> <p>- Hồ sơ thiết kế bản vẽ tổ chức giao thông (mặt bằng + mặt cắt đứng + mặt cắt ngang) + sơ đồ phân luồng giao thông sang tuyến đường khác trong thời gian thi công + thuyết minh biện pháp tổ chức giao thông theo Điều 25 NĐ 165/2024.</p> <p>- Cam kết 100% công nhân tham gia thi công trên đường bộ đang khai thác mặc trang phục bảo hộ lao động có báo hiệu an toàn (vest phản quang); 100% máy móc thi công lắp đèn xoay vàng + còi cảnh báo trên phương tiện theo khoản 4 Điều 32 Luật Đường bộ.</p> <p>- Phương án phối hợp với UBND xã Kon Đào + công an xã + Cảnh sát giao thông trong điều tiết giao thông tại các vị trí phức tạp; bố trí trực chốt 24/24h tại đầu cầu Km1+924,46, cầu Km6+773,66, đoạn taluy đào sâu Km4+438 - Km4+511.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	<p>Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không phù hợp với tình hình địa điểm thực tế của công trình hoặc không đầy đủ theo yêu cầu.</p>	<p>Không đạt</p>
<p>2.7.2. Lắp đặt trạm trộn BTXM + trạm biến áp 250 KVA phục vụ thi công cầu.</p>	<p>- Phương án vị trí + thiết kế lắp đặt trạm trộn BTXM ≤ 10 tấn + trạm biến áp 250 KVA + phụ kiện kèm theo, có sơ đồ kết nối điện 3 pha, hệ thống cấp/thoát nước, bể lắng, tiếp địa, chống sét, PCCC.</p> <p>- Lý lịch máy của trạm trộn BTXM + trạm biến áp; chứng chỉ kiểm</p>	<p>Đạt</p>

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>định an toàn của thiết bị; chứng chỉ năng lực của nhân lực vận hành.</p> <p>- Phương án phối hợp với Điện lực địa phương để cấp điện + nghiệm thu trạm biến áp trước khi đóng điện vận hành.</p> <p>- Cam kết vận hành thử 03 mẻ trộn liên tục đạt cấp phối thiết kế trước khi sản xuất đại trà; cam kết tháo dỡ + di chuyển khi kết thúc thi công.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	Không đề xuất hoặc có đề xuất nhưng không hợp lý, không phù hợp với tình hình địa điểm thực tế của công trình hoặc không đầy đủ theo yêu cầu.	Không đạt
	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
Kết luận	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt

3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Thời gian thi công	<p>- Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 330 ngày kể từ ngày HĐ có hiệu lực, có tính đến yếu tố thời tiết (mùa mưa Quảng Ngãi từ tháng 9 đến tháng 12), điều kiện địa hình miền núi, mức độ phức tạp của hạng mục cầu BTCT DUL và đoạn taluy đào sâu Km4+438 - Km4+511.</p> <p>- Phương án rút ngắn tiến độ (nếu có): nêu rõ giải pháp tổ chức thi công song song nhiều hạng mục.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
3.2. Biểu đồ tiến độ thi công.	<p>- Biểu đồ tiến độ tổng quát: thể hiện thời gian bắt đầu - kết thúc + đường găng cho các hạng mục chính (nền đường, mặt đường BTNC C16, thoát nước, ATGT, cầu DUL Km1+924,46, cầu bản 6m Km6+773,66).</p> <p>- Biểu đồ tiến độ chi tiết theo tuần/tháng cho từng hạng mục công việc; sơ đồ Gantt.</p> <p>- Cam kết bố trí cán bộ chuyên trách quản lý tiến độ tại công trường + sử dụng phần mềm quản lý dự án (MS Project hoặc tương đương).</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p> <p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Đạt
3.3. Biểu đồ bố trí công nhân.	<p>- Biểu đồ bố trí công nhân theo từng tháng phù hợp với tiến độ; thể hiện rõ số lượng công nhân + đỉnh điểm trong các giai đoạn cao điểm thi công cầu, mặt đường BTN, đào taluy sâu.</p> <p>- Phương án nhân sự dự phòng (thay thế khi nhân sự ốm đau, nghỉ phép, sự cố).</p> <p>- Phương án ăn ở + sinh hoạt cho công nhân tại công trường (lán trại, vệ sinh, an ninh).</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
3.4. Biểu đồ huy động vật tư, vật liệu.	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p> <p>- Biểu đồ huy động vật tư, vật liệu chính theo tiến độ thi công (xi măng, cốt liệu, thép, nhựa đường, BTNC C16, thép DUL, gói cầu, khe co giãn).</p>	Không đạt
		Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>- Tần suất + khối lượng tập kết vật liệu phù hợp với năng lực kho bãi tại công trường + năng lực cung ứng của các mỏ/nhà cung cấp đã ký hợp đồng nguyên tắc.</p> <p>- Phương án dự phòng vật liệu chính (cát, đá, BTN, BTXM) khi nguồn cung ứng gián đoạn.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p> <p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
3.5. Biểu đồ huy động máy móc, thiết bị.	<p>- Biểu đồ huy động máy móc, thiết bị chính theo từng giai đoạn thi công (máy đào, máy ủi, máy lu, ô tô tự đổ, máy trộn BTXM, máy rải BTN, cầu lắp dầm sức nâng $\geq 80T$, máy thí nghiệm hiện trường).</p> <p>- Thời gian đưa vào - thời gian rút ra theo từng giai đoạn; bố trí bãi tập kết + bảo quản thiết bị trên công trường.</p> <p>- Cam kết thiết bị huy động đáp ứng đúng số lượng + chủng loại + công suất kê khai tại Bảng Mục 2.2b; có chứng chỉ kiểm định an toàn còn hiệu lực.</p> <p>- Phương án thiết bị dự phòng (thay thế khi thiết bị chính hỏng/sự cố).</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p> <p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng.	- Sơ đồ tổ chức quản lý chất lượng tại công trường: Chỉ huy trưởng - bộ	Đạt

	<p>phận KCS - các kỹ sư phụ trách chất lượng từng hạng mục.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân định rõ quyền hạn + nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng (kiểm tra vật liệu đầu vào, giám sát thi công nội bộ, lập hồ sơ nghiệm thu). - Cán bộ phụ trách KCS phải có chứng chỉ hành nghề giám sát công trình giao thông phù hợp với cấp công trình IV. - Cam kết bố trí cán bộ KCS chuyên trách tại công trường trong toàn bộ thời gian thi công (theo NĐ 06/2021/NĐ-CP). <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	<p>Không đạt</p>
<p>4.2. Hệ thống chất lượng kiểm tra thí nghiệm vật tư vật liệu đầu vào tại hiện trường.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án phòng thí nghiệm hợp chuẩn LAS-XD tại công trường: của nhà thầu hoặc thuê đơn vị thí nghiệm chuyên ngành. - Bản sao chứng thực Quyết định công nhận LAS-XD còn hiệu lực + danh mục các phép thử được công nhận (đáp ứng các thí nghiệm cần thiết: đất, đá, BTNC, BTXM, thép, vật liệu khác). - Quy trình kiểm tra vật liệu đầu vào tại hiện trường: tần suất + chỉ tiêu kiểm tra cho từng loại vật liệu chính theo Chương V. - Cam kết tất cả vật liệu chỉ được đưa vào sử dụng sau khi có kết quả thí nghiệm đạt yêu cầu và TVGS chấp thuận. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	<p>Đạt</p>
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	<p>Không đạt</p>

<p>4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư và thiết bị để phục vụ công tác thi công bao gồm: Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và máy móc thiết bị thi công.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quy trình quản lý chất lượng vật tư + thiết bị thi công: từ nguồn cung ứng - vận chuyển - tập kết - bảo quản - sử dụng - nghiệm thu. - Biện pháp kiểm soát: phiếu xuất xưởng + chứng chỉ chất lượng (CO/CQ) + kết quả thí nghiệm cho từng lô vật liệu chính. - Cam kết loại bỏ vật liệu không đạt yêu cầu khỏi công trường trong vòng 48 giờ; chi phí do nhà thầu chịu. - Bố trí kho bãi + biện pháp bảo quản phù hợp cho từng loại vật liệu (xi măng, thép, nhựa đường, BTNC, BTXM, gổi cầu, khe co giãn). <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>4.4. Biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão: che chắn kho bãi vật liệu rời (cát, đá, xi măng); che bạt cho các bãi tập kết thép, kết cấu cầu; gia cố các giá đỡ, lán trại tạm. - Phương án bảo vệ các hạng mục đang thi công dở dang: bê tông mới đổ, mặt đường BTN chưa hoàn thiện, taluy đào sâu Km4+438 - Km4+511. - Phương án thoát nước tạm + chống xói lở khi mưa lớn kéo dài; bố trí máy bơm + rãnh thoát nước cấp tốc. - Cam kết theo dõi dự báo thời tiết hàng ngày + có kế hoạch ứng phó khi có cảnh báo bão/áp thấp; có cán bộ trực 24/24h trong mùa mưa. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt

<p>4.5. Đảm bảo an toàn, chất lượng đối với các công trình hiện hữu, công trình lân cận: Nhà thầu có cam kết trong quá trình thi công không làm thay đổi hiện trạng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận; không làm ảnh hưởng, thay đổi kết cấu các công trình hạ tầng xung quanh. Trường hợp trong quá trình thi công làm thay đổi hiện trạng hư hỏng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận, làm thay đổi kết cấu các công trình hạ tầng xung quanh, gây lún nứt, sụp nhà dân thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm xử lý khắc phục bằng chi phí của nhà thầu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cam kết không làm thay đổi hiện trạng các công trình hiện hữu, công trình lân cận trong quá trình thi công (đường giao hiện trạng, cống bản đường giao, cầu cũ Km6+773,66 phần kết cấu giữ lại tận dụng, hệ thống điện - viễn thông - cấp nước nếu có). - Lập biên bản hiện trạng các công trình hiện hữu + hệ thống hạ tầng kỹ thuật trước khi thi công có sự chứng kiến của CĐT, TVGS, đơn vị quản lý hạ tầng. - Phương án bảo vệ các công trình lân cận: rào chắn cách ly, hạn chế chấn động khi đào, đầm chặt; biện pháp tránh hư hại đường giao thông liên xã trong vận chuyển vật liệu. - Cam kết bồi thường + sửa chữa nếu xảy ra hư hại do thi công gây ra; chi phí do nhà thầu chịu hoàn toàn. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	<p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
<p>4.6. Kiểm định kỹ thuật an toàn máy, thiết bị thi công</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Cam kết tất cả máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động sử dụng trên công trường được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động trước khi đưa vào sử dụng và duy trì kiểm định định kỳ trong suốt quá trình thi công theo Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13; Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/6/2016 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018); Thông tư số 36/2019/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. - Danh mục thiết bị có yêu cầu kiểm định cho gói thầu xây lắp đường ĐH51: cầu lắp dầm sức nâng $\geq 80T$ 	Đạt

	<p>(phục vụ lao dầm BTCT DƯL Km1+924,46); trạm trộn BTXM công suất $\geq 90 \text{ m}^3/\text{h}$; trạm biến áp 250 KVA và hệ thống điện công trường; bình chứa khí oxy + acetylene phục vụ hàn cắt; vận thăng, tời điện, palăng (nếu sử dụng); các thiết bị nâng hạ khác thuộc danh mục có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người vận hành máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động phải có chứng chỉ kỹ năng nghề và giấy chứng nhận huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động phù hợp với nhóm đối tượng theo quy định. - Cam kết cung cấp đầy đủ bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định và tem kiểm định còn hiệu lực cho từng thiết bị trước khi đưa vào công trường; bổ sung kịp thời khi giấy chứng nhận hết hiệu lực. - Trường hợp huy động thiết bị mới ngoài danh mục đã kê khai trong HSDT, cam kết bổ sung Giấy chứng nhận kiểm định và thông báo Chủ đầu tư cùng Tư vấn giám sát trước khi đưa vào sử dụng. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường:		
Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. An toàn lao động	<p>- Phương án ATLĐ chi tiết cho từng hạng mục thi công đặc thù: thi công đường, thi công cầu, đào taluy sâu đoạn Km4+438 ÷ Km4+511 (chiều cao đào trung bình > 30m),</p>	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>lao dầm DUL, sử dụng cầu sức nâng $\geq 80T$ - đáp ứng yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quy trình huấn luyện ATLD cho công nhân trước khi vào công trường + danh mục trang bị bảo hộ lao động cá nhân. - Phương án sơ cấp cứu tại công trường + danh sách bệnh viện liên kết khi có tai nạn lao động. - Cam kết bố trí cán bộ ATLD chuyên trách có chứng nhận huấn luyện ATVSLĐ nhóm 2 tại công trường + nhật ký ATLD hằng ngày. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p> <p>Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.</p>	Không đạt
5.2. Phòng cháy, chữa cháy	<ul style="list-style-type: none"> - Phương án PCCC tại công trường: bố trí thiết bị chữa cháy, vị trí kho xăng dầu, vị trí hàn cắt, phương án thoát hiểm - đáp ứng yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. - Quy trình huấn luyện PCCC cho công nhân + cam kết phối hợp với cơ quan PCCC địa phương. - Cam kết trang bị đầy đủ thiết bị PCCC tại các vị trí có nguy cơ cháy nổ: kho xăng dầu, trạm trộn BTXM + trạm biến áp 250 KVA, vị trí hàn cắt, bãi đúc dầm, lán trại công nhân. <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
5.3. Vệ sinh môi trường	- Phương án kiểm soát tiếng ồn, bụi và khói, rung động trong quá trình thi công - đáp ứng yêu cầu tại Chương V của E-HSMT.	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	<p>- Phương án kiểm soát nước thải thi công: sơ đồ thoát nước thi công + bể lắng tại trạm trộn BTXM, bãi đúc dầm, kho xăng dầu.</p> <p>- Phương án kiểm soát rác thải xây dựng + rác thải sinh hoạt: thu gom - vận chuyển - xử lý đúng nơi quy định.</p> <p>- Phương án vận chuyển vật liệu rời có che chắn + cam kết tưới nước giảm bụi định kỳ trên các đoạn tuyến qua khu dân cư xã Kon Đào và xã Văn Lem.</p> <p>Cung cấp đầy đủ các tài liệu nêu trên; nội dung phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật và hồ sơ TKBVTC được duyệt.</p>	
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Không đạt

6. Bảo hành công trình:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1. Bảo hành		
Thời gian và mức tiền bảo hành công trình	Nhà thầu cam kết bảo hành công trình không ít hơn 24 tháng kể từ ngày được Chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào khai thác sử dụng; mức tiền bảo hành không thấp hơn 5% giá trị hợp đồng, theo quy định tại khoản 5 và khoản 7 Điều 28 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ (đã hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BXD ngày 20/01/2026 của Bộ Xây dựng).	Đạt
Kết luận	Không cam kết thời gian bảo hành hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. Thiếu 01 tài liệu trở lên hoặc nội dung không phù hợp với Chương V - Yêu cầu kỹ thuật / hồ sơ TKBVTC.	Đạt Không đạt

(Ghi chú: Nhà thầu chịu trách nhiệm với tính chuẩn xác, đầy đủ của các tài liệu thuộc mục tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật. Các tài liệu nhà thầu cung cấp không đầy đủ,

rõ ràng theo yêu cầu của HSMT sẽ xem như không đáp ứng và hồ sơ của nhà thầu bị loại. Nội dung này Chủ đầu tư không làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá).

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Không áp dụng.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.